

Số: /BGDDĐT-VP

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

V/v triển khai Hệ thống thông tin giải quyết
thủ tục hành chính theo mô hình tập trung của
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (Hệ thống TT GQ TTHC) theo mô hình tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Thông báo số 35-TB/TGV ngày 11/7/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Quyết định số 3300/QĐ-BGDDĐT ngày 28/11/2025 ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng Hệ thống TT GQ TTHC sử dụng thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương tới địa phương của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT); Bộ GDĐT đã phối hợp với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) - Đơn vị đồng hành cùng Bộ GDĐT trong việc triển khai xây dựng Hệ thống TT GQ TTHC, đã tiến hành khảo sát tại các địa phương. Đến nay, Hệ thống TT GQ TTHC đã hoàn thành việc xây dựng theo mô hình tập trung, phục vụ giải quyết các TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã; đồng thời đã tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng và quản trị Hệ thống TT GQ TTHC cho cán bộ, công chức, viên chức các địa phương.

Để triển khai chính thức, đồng bộ, hiệu quả Hệ thống TT GQ TTHC của Ngành GDĐT theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ GDĐT đề nghị Quý Cơ quan quan tâm chỉ đạo và phối hợp thực hiện một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo triển khai, vận hành Hệ thống TT GQ TTHC Ngành GDĐT, cụ thể như sau:

- Thời gian triển khai: Từ ngày 01/01/2026.
- Hình thức tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính:
 - + Việc tiếp nhận hồ sơ TTHC được thực hiện theo các hình thức sau: i) *Tiếp nhận trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (các tổ chức, cá nhân truy cập và nộp hồ sơ tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>), ii) *Tiếp nhận trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc iii) *Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích.***

+ Cán bộ, công chức, viên chức tham gia tiếp nhận, giải quyết TTHC tại các địa phương thực hiện xử lý trực tiếp hồ sơ trên Hệ thống TT QG TTHC Ngành GDĐT tại địa chỉ: <https://motcua.moet.gov.vn/>.

- Phạm vi triển khai: Áp dụng đối với 166 TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ GDĐT được thực hiện ở cấp tỉnh, cấp xã và cơ quan khác (*theo Phụ lục 1*).

(*Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống được cung cấp thông qua mã QR code kèm theo*).

2. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và cá nhân liên quan thực hiện

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân tại địa phương về việc triển khai Hệ thống TT GQ TTHC tập trung của Bộ GDĐT nêu trên.

- Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức giải quyết TTHC tại các đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC trên Hệ thống theo quy định.

- Chỉ đạo công chức, viên chức quản trị Hệ thống của địa phương rà soát, cấu hình đầy đủ danh mục đơn vị, tài khoản thu phí, lệ phí, tài khoản cán bộ, công chức, viên chức giải quyết TTHC... trên Hệ thống.

- Khẩn trương tiếp tục rà soát, tổng hợp, xác nhận thông tin khảo sát về tài khoản thụ hưởng; cán bộ, công chức, viên chức giải quyết cấp tỉnh, cấp xã/phường/đặc khu; danh mục TTHC và đầu mối triển khai, bảo đảm cung cấp đầy đủ 100% tài khoản người dùng/tổ chức liên quan và chính xác dữ liệu phục vụ triển khai Hệ thống (*theo Phụ lục 2*), gửi văn bản về Bộ GDĐT **trước ngày 16/01/2026**.

- Cử đầu mối tổng hợp, tiếp nhận phản ánh các khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình triển khai; phối hợp với đầu mối hỗ trợ của VNPT tại các tỉnh/thành phố (*theo Phụ lục 3*) để xử lý các nội dung trong phạm vi có thể xử lý thuộc thẩm quyền được phân công, kịp thời báo cáo Bộ GDĐT các nội dung vượt thẩm quyền.

3. Chỉ đạo triển khai kết nối, tích hợp với các hệ thống thông tin liên quan:

Để triển khai kết nối, tích hợp Hệ thống TT GQ TTHC tập trung của Bộ GDĐT với các hệ thống thông tin giải quyết chuyên ngành khác tại địa phương (nếu có), Bộ GDĐT đề nghị Quý Cơ quan chỉ đạo đơn vị đầu mối cung cấp các thông tin sau:

- Hệ thống quản lý văn bản, điều hành: Tên hệ thống, đơn vị cung cấp.
- Hệ thống biên lai điện tử: Thông tin tích hợp của đơn vị cung cấp (hệ thống đã tích hợp với dịch vụ hóa đơn điện tử do VNPT, Viettel... cung cấp).
- Dịch vụ tin nhắn SMS: Thông tin tích hợp SMS Brandname.
- Dịch vụ bưu chính công ích...

(*Kinh phí sử dụng các tiện ích về biên lai điện tử, dịch vụ tin nhắn SMS... do các địa phương quyết định, bảo đảm, Bộ GDĐT sẽ tổ chức hỗ trợ kết nối, tích hợp các dịch vụ theo đề xuất cụ thể của các tỉnh, thành phố*)

(Tài liệu hướng dẫn qua mã QR code kèm theo)

4. Thông báo triển khai hệ thống điều phối TTHC tạm thời do VNPT xây dựng

Theo Thông báo kết luận số 54-TB/TGV ngày 08/12/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Hệ thống điều phối giải quyết TTHC do Bộ Công an chủ trì xây dựng, dự kiến hoàn thành trong tháng 3 năm 2026. Trong thời gian chờ Hệ thống điều phối chính thức được đưa vào vận hành, Tập đoàn VNPT đã chủ động xây dựng hệ thống điều phối giải quyết TTHC tạm thời, nhằm hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương (đặc biệt là tại các xã/phường/đặc khu) trong việc định tuyến, điều phối hồ sơ của nhiều lĩnh vực, đến đúng hệ thống xử lý TTHC theo thẩm quyền, phạm vi và mức độ sẵn sàng của từng TTHC. Bộ GDĐT đề nghị Quý Cơ quan chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương truy cập địa chỉ: <https://dieuphoi.dichvucong.gov.vn/> để đăng nhập, cấu hình và cá nhân hóa tài khoản của mình để sẵn sàng sử dụng vào hệ thống điều phối TTHC tạm thời theo file tài liệu hướng dẫn kèm theo.

Bộ GDĐT giao Văn phòng - Bộ GDĐT là đơn vị đầu mối tiếp nhận các ý kiến góp ý (qua email: phongksthc@moet.gov.vn); phối hợp Tập đoàn VNPT trực tiếp làm việc hỗ trợ các địa phương để tháo gỡ kịp thời các vướng mắc (nếu có), các cơ quan liên quan triển khai, hoàn thiện Hệ thống TT GQ TTHC của Bộ GDĐT (đầu mối liên hệ Ông Bùi Văn Linh, Phó Chánh Văn phòng, số điện thoại: 0903.299.655, Email: bvlinh@moet.gov.vn).

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo, phối hợp thực hiện hiệu quả, chất lượng các nội dung tại văn bản này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các Thứ trưởng;
- Tập đoàn VNPT (để p/h);
- Sở GDĐT các tỉnh, thành phố (để t/h);
- Văn phòng, Cục KHCNTT (để t/h);
- Các Đơn vị thuộc Bộ (để t/h);
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn



(QR code Tài liệu hướng dẫn sử dụng)

Phụ lục 1
DANH SÁCH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THUỘC
PHẠM VI XỬ LÝ CẤP TỈNH, CẤP XÃ VÀ CƠ QUAN KHÁC
(Kèm theo Công văn số /BGDDT-VP ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	2.002812	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài
2	2.002811	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài
3	2.002813	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài
4	2.00281	Chấm dứt liên kết giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội
5	2.002808	Phê duyệt liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội
6	2.002809	Gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội
7	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông
8	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước
9	1.014334	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu
10	1.014333	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập
11	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu
12	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)
13	3.000466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)
14	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
15	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục hoạt động trở lại
16	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục
17	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
18	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
19	1.013762	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
20	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
21	1.01376	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
22	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)
23	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực
24	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực
25	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực
26	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực
27	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực
28	1.013752	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại
29	1.013767	Giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập
30	2.00277	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo
31	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo
32	2.002756	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số
33	1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông
34	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)
35	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học
36	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập
37	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại
38	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập
39	1.01297	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
40	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng
41	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở
42	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học
43	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
44	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
45	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
46	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở
47	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại
48	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
49	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
50	1.01296	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
51	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao
52	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên
53	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
54	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông
55	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại
56	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục
57	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông
58	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên
59	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại
60	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên
61	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
62	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)
63	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng
64	3.000306	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông
65	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
66	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật
67	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục
68	3.0003	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
69	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao
70	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại
71	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục
72	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại
73	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật
74	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
75	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn
76	2.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài
77	2.002479	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước
78	2.00248	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài
79	1.010596	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục
80	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục
81	1.010595	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục.
82	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị
83	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông
84	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
85	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
86	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
87	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
88	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã
89	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
90	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
91	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
92	1.00639	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
93	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông
94	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông
95	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại
96	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục
97	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên
98	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên
99	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại
100	2.00196	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
101	2.001959	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
102	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học
103	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
104	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
105	2.001806	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học
106	1.003734	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin
107	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)
108	2.00068	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
109	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện
110	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
111	2.000632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục
112	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
113	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
114	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
115	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục
116	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
117	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
118	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia
119	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
120	1.00053	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
121	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
122	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận
123	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
124	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
125	2.00013	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
126	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia
127	1.00028	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
128	1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
129	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
130	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
131	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
132	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
133	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)
134	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)
135	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh
136	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.
137	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước
138	2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.
139	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở
140	1.009394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển
141	1.009002	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên
142	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp
143	1.00895	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp
144	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
145	1.00872	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
146	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
147	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học
148	1.00509	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú
149	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
150	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam
151	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
152	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
153	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người
154	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách
155	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục
156	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo
157	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài
158	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục
159	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục
160	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết
161	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
162	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
163	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ
164	1.001088	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học
165	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
166	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên

Phụ lục 2
KẾT QUẢ THU THẬP TÀI KHOẢN THỤ HƯỞNG, TÀI KHOẢN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
(Kèm theo Công văn số /BGDDT-VP ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tỉnh/TP	Số TK cán bộ sở	Số Sở	Số Phường/Xã	Số phường/xã đã khai báo từ 5 tài khoản/phường, xã trở lên	Số phường/xã đã khai báo dưới 5 tài khoản	Số TK cán bộ Phường/Xã đã có	Số TK thụ hưởng tối thiểu cần có	Số TK thụ hưởng đã có
An Giang	36	1	102	84	18	534	103	103
Bắc Ninh	56	1	99	48	41	503	100	66
Cà Mau	48	1	64	24	40	247	65	65
Cần Thơ	49	1	103	103	0	711	104	104
Cao Bằng	27	1	56	56	0	325	57	57
Đà Nẵng	21	1	94	93	1	1129	95	94
Đắk Lắk	15	1	102	102	0	1369	103	103
Điện Biên	20	1	45	45	0	363	46	46
Đồng Nai	59	1	95	95	0	543	96	96
Đồng Tháp	39	1	102	102	0	819	103	103
Gia Lai	50	1	135	113	22	855	136	134
Hà Nội	42	1	126	32	94	379	127	1
Hà Tĩnh	28	1	69	69	0	737	70	70
Hải Phòng	44	1	114	111	3	888	115	115
TP Hồ Chí Minh	26	1	168	168	0	1788	169	169
Huế	27	1	40	40	0	455	41	41
Hưng Yên	30	1	104	104	0	947	105	105
Khánh Hòa	81	1	65	57	8	370	65	64
Lai Châu	20	1	38	38	0	254	39	39

Tỉnh/TP	Số TK cán bộ sở	Số Sở	Số Phường/Xã	Số phường/xã đã khai báo từ 5 tài khoản/phường, xã trở lên	Số phường/xã đã khai báo dưới 5 tài khoản	Số TK cán bộ Phường/Xã đã có	Số TK thụ hưởng tối thiểu cần có	Số TK thụ hưởng đã có
Lâm Đồng	12	1	124	109	15	653	125	125
Lạng Sơn	11	1	65	65	0	1715	66	66
Lào Cai	38	1	99	63	36	419	100	96
Nghệ An	55	1	130	130	0	4308	131	131
Ninh Bình	124	1	129	129	0	650	130	130
Phú Thọ	23	1	148	55	93	360	149	149
Quảng Ngãi	23	1	96	96	0	2091	97	97
Quảng Ninh	30	1	54	54	0	296	55	54
Quảng Trị	15	1	78	78	0	1034	79	70
Sơn La	20	1	75	61	14	462	76	76
Tây Ninh	71	1	96	96	0	2598	97	97
Thái Nguyên	39	1	92	92	0	566	93	93
Thanh Hóa	75	1	166	166	0	337	167	167
Tuyên Quang	48	1	124	124	0	1524	125	125
Vĩnh Long	25	1	124	124	0	761	125	124

Ghi chú: Số liệu từng tỉnh/thành phố được Tổ công tác tổng hợp tới 8h00 ngày 05/01/2026

Phụ lục 3
DANH SÁCH ĐẦU MỐI HỖ TRỢ CỦA VNPT CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Công văn số /BGDDT-VP ngày tháng 01 năm 2026 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tỉnh/ Thành phố	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	An Giang	Nguyễn Thanh Phi	0947041465	phint.kgg@vnpt.vn
2	Bắc Ninh	Phan Văn Nam Thân Văn Đức	0834021386 0911388696	nampv.bgg@vnpt.vn ductv.bgg@vnpt.vn
3	Cà Mau	Nguyễn Minh Toàn	0918251800	toannm.cmu@vnpt.vn
4	Cao Bằng	Lô Xuân Đạt Đàm Văn Dưỡng	0941224999 0823140458	datlx.cbg@vnpt.vn duongdv.cbg@vnpt.vn
5	Cần Thơ	Nguyễn Thành Đông Phạm Thị Cẩm Nhung	0944093343 0945623653	dongnt.hgi@vnpt.vn nhungptc.cto@vnpt.vn
6	Đà Nẵng	Đoàn Văn Trọng Nguyễn Ngọc Hoàng	0914797888 0911936488	trongdv.qnm@vnpt.vn hoangnn.qnm@vnpt.vn
7	Đắk Lắk	Đinh Văn Thịnh	0945641191	thinhdv.dlc@vnpt.vn
9	Đồng Nai	Võ Văn Sang	0941860888	sangvv.bpc@vnpt.vn
8	Điện Biên	Nguyễn Phú Tú	0839281195	tunp.dbn@vnpt.vn
10	Đồng Tháp	Mai Xuân Tứ	0916442839	tumx.tgg@vnpt.vn
11	Gia Lai	Phan Duy Nghĩa	0914070331	nghiapd.bdh@vnpt.vn
12	Hà Nội	Lương Thế Long	0912172262	longlt1@vnpt.vn
13	Hà Tĩnh	Lê Anh Tú	0944552677	tula.hth@vnpt.vn
14	Hải Phòng	Vũ Minh Hiếu Nguyễn Quang Trung	0919817986 0911110788	hieuv.mhpg@vnpt.vn trungnq.hpg@vnpt.vn
15	Hồ Chí Minh	Bạch Tôn Hiền Vương	0918597206	vuongbth.hcm@vnpt.vn
16	Huế	Trần Thanh Hải	0914067890	haitt.hue@vnpt.vn
17	Hưng Yên	Đỗ Thị Thanh Phúc	0912709689	phucdt.hyn@vnpt.vn
18	Khánh Hòa	Trịnh Minh Quốc Trung	0917657616	trungtmq.kha@vnpt.vn
19	Lai Châu	Lê Khương Duy Bùi Thị Diễm	0888823370 0827286296	duylk.lcu@vnpt.vn diembt@vnpt.vn
20	Lạng Sơn	Mông Huyền Trang	0919994678	trangmh.lsn@vnpt.vn
21	Lào Cai	Tạ Trung Đức	0836618833	ductt.ybi@vnpt.vn
22	Lâm Đồng	Phạm Văn Minh	0914397070	minhvp.ldg@vnpt.vn
23	Nghệ An	Phạm Trần Duy Linh	0945915357	linhptd.nan@vnpt.vn
24	Ninh Bình	Trần Đình Quyết	0948779283	quyettd.nbh@vnpt.vn
25	Phú Thọ	Ngô Quang Hưng Hoàng Anh Dũng	0855338787 0946536338	nqhung.vpc@vnpt.vn dungha.hbh@vnpt.vn
26	Quảng Ngãi	Nguyễn Ngọc Thảo	0947160500	thaonn.qni@vnpt.vn
27	Quảng Ninh	Đào Văn Hải	0826555779	haidv.qnh@vnpt.vn
28	Quảng Trị	Nguyễn Khánh Sơn	0915387555	sonnk.qbh@vnpt.vn

STT	Tỉnh/ Thành phố	Họ và tên	Số điện thoại	Email
29	Sơn La	Nguyễn Ngọc Điệp	0912424666	diepnn.sla@vnpt.vn
30	Tây Ninh	Phạm Thành Võ Vũ Quang Huy	0914787972 0916686717	vopt.lan@vnpt.vn vqhuy.lan@vnpt.vn
31	Thái Nguyên	Hà Quang Thuật Lý Tuấn Anh	0915198886 0824222184	thuathq.bkn@vnpt.vn anhlt.bkn@vnpt.vn
32	Thanh Hóa	Lê Xuân Sang Nguyễn Xuân Linh	0915243777 0911385333	sanglx.tha@vnpt.vn linhnx.tha@vnpt.vn
33	Tuyên Quang	Nguyễn Đăng Nguyên Nguyễn Thành Duy	0941776556 0918674464	nguyennd.hgg@vnpt.vn duynt.hgg@vnpt.vn
34	Vĩnh Long	Đặng Ngọc Phương Tín	0917370001	tindnp.bte@vnpt.vn